Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm phương tiện chuyên dùng trong nguồn kinh phí bảo đảm TTATGT năm 2025.
- Chủ đầu tư: Cục Cảnh sát giao thông
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (Kinh phí bảo đảm TTATGT).
- Tên gói thầu: Mua sắm xe ô tô điện 07 chỗ tuần tra, kiểm soát
- Giá gói thầu: 36.071.360.240 đồng.
- Phạm vi cung cấp: 20 xe.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 120 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau đây làm căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào hàng:

a. Các bản cam kết của Nhà thầu gồm:

- Bản cam kết đảm bảo hàng hóa chào thầu đều được sản xuất từ năm 2025 trở về sau, chưa qua sử dụng.
- Bản cam kết về tính xác thực của các tất cả tài liệu thuộc hồ sơ dự thầu và chịu mọi hình thức xử lý vi phạm nếu bị phát hiện có hành vi gian lận theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

b. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa: theo quy định của E-HSMT.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

- Thông số kỹ thuật phương tiện:

Hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
1	Loại xe	Xe điện (đã bao gồm pin)
2	Số chỗ ngồi	7 chỗ (kể cả người lái)
3	Chiều dài cơ sở	3.150 mm ± 5%
4	Dung lượng pin – khả dụng	≥ 120 kWh

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
5	Động cơ	2 động cơ, mỗi động cơ có công suất tối đa ≥ 150 kw
6	Momen xoắn cực đại	≥ 600 Nm
7	Hệ thống treo	- Trước: Độc lập, tay đòn kép. - Sau: Liên kết đa điểm
8	Hệ thống phanh	- Trước: Đĩa - Sau: Đĩa
9	Tiện nghi	
9.1	Hệ thống điều hoà	Tối thiểu tự động, 2 vùng
9.2	Màn hình giải trí	≥ 15 inch
9.3	Phanh tay	Điện tử
10	Tính năng an toàn	
10.1	Dây đai an toàn	Có
10.2	Túi khí	≥ 10 túi khí
10.3	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có
10.4	Hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có
10.5	Phân phối lực phanh điện tử	Có
10.6	Hệ thống cân bằng điện tử	Có
10.7	Hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
10.8	Chức năng chống lật	Có
10.9	Trợ lái trên cao tốc	Có
10.10	Cảnh báo va chạm	Có
11	Màu sơn	Trắng

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
12	Camera giám sát hành trình, thay mặt ca lăng, nắp capo	Có, theo yêu cầu chủ đầu tư, cụ thể: - Đối với camera giám sát hành trình: Camera hành trình thông minh có thể cảnh báo các hành vi nguy hiểm cho lái xe như buồn ngủ, mất tập trung..; nhận diện biển số xe; có khả năng giám sát từ xa (nhận diện biển số xe, tích hợp GPS và dữ liệu hành trình theo thời gian thực, xe video từ cabin và ngoài xe qua phần mềm quản lý hoặc nhiều chức năng hơn). Có thể kết nối về Trung tâm giám sát của Cục. - Thay mặt ca lăng (chất liệu nhựa ABS mạ crom, kiểu sọc đứng), nắp capo (dạng phẳng): Mẫu mã cụ thể theo yêu cầu của chủ đầu tư.
13	Dán chữ, phù hiệu Cảnh sát giao thông	Có; theo yêu cầu chủ đầu tư, cụ thể: Hai bên thành xe có vạch sơn phản quang màu xanh nước biển, ở giữa có dòng chữ "CẢNH SÁT GIAO THÔNG" màu trắng (bằng chất liệu phản quang), kích thước chữ 10cm x 10cm, nét chữ 03cm, cân đối hai bên thành xe; hai bên cánh cửa phía trước có dòng chữ "TRAFFIC POLICE" màu xanh (bằng chất liệu phản quang), kích thước khổ chữ tối đa bằng hai phần ba khổ chữ "CẢNH SÁT GIAO THÔNG" và hình phù hiệu Cảnh sát giao thông ở giữa hai chữ "TRAFFIC" và "POLICE".

Stt	Tiêu chí	Thông số kỹ thuật cơ bản
14	Bộ thiết bị phát tín hiệu ưu tiên, cột cờ	Có; theo yêu cầu chủ đầu tư, cụ thể: - Bộ phát tín hiệu ưu tiên: Đèn phát tín hiệu ưu tiên (loại loại 120 cm ± 10%, có 02 màu xanh – đỏ); còi phát tín hiệu ưu tiên,… - Cờ hiệu: Cờ hình tam giác cân theo yêu cầu; Cán cờ cao 50 cm, đường kính cán cờ 1,5 cm. - Đáp ứng theo quy định tại Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Điều 17, 19, Phụ lục I).
15	Bảo hành	- Xe: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất - Phụ kiện đi kèm: Tối thiểu 24 tháng

- ***Các dịch vụ kèm theo:***

Stt	Mô tả dịch vụ	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
1	Nghiệm thu, chạy thử	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm cung cấp	Tại 02 miền Bắc, Nam theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	Trong vòng 07 ngày kể từ nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư.
3	Cất giữ, bảo quản hàng hóa tại kho	Tại 02 miền Bắc, Nam theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	Cho đến khi tổ chức cấp phát theo yêu cầu của Chủ đầu tư
4	Phối hợp tổ chức cấp phát	Tại 02 miền Bắc, Nam theo yêu cầu của Chủ đầu tư.	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.

- **Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ**: Nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại Mẫu số 10A Chương IV đảm bảo phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu.

1.3. Các yêu cầu khác

Các quy định về phương thức và điều kiện thanh toán, tạm ứng; Thời gian và địa điểm bảo hành; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng và bảo lãnh bảo hành: Quy định tại E-ĐKCT, Phần 3A, Chương VII.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Bên A kiểm tra hồ sơ của lô hàng và kiểm tra thực tế vận hành, tiến hành các bước kiểm tra như sau:

- Bước 1: Tiến hành kiểm tra tài liệu giấy tờ kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá.

- Bước 2: Hai bên tiến hành kiểm tra về số lượng, chủng loại, tình trạng, thông số kỹ thuật của hàng hoá theo quy định của hợp đồng.

- Bước 3: Kiểm tra thực tế vận hành (xác suất 10% lô hàng).

Nếu hàng hoá đảm bảo đúng như hợp đồng quy định thì hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hàng hoá. Nếu hàng hoá sau khi kiểm tra không đảm bảo theo quy định của hợp đồng, bên A sẽ từ chối nhận hàng, bên B chịu toàn bộ chi phí có liên quan đến lô hàng và chịu phạt theo quy định của hợp đồng.